

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm.

2. Ông Phan Thành Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Thanh V, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thê A, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Thanh V trình bày: Anh V và chị A do quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở bên gia đình anh thuộc ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi vã nhau và đã ly thân 05 năm nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị A được ly hôn để mỗi

người có cuộc sống riêng. Do chị A đang đi làm thuê ở tỉnh Đồng Nai (làm công nhân) và sống chung cùng 02 con là cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007 (hiện đang học lớp 10 ở tỉnh Đồng Nai) và cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 16/9/2016 (hiện đang học mẫu giáo ở tỉnh Đồng Nai) nên không về dự các phiên hòa giải của Tòa án được. Thời gian sống chung, vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007, cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 15/11/2014 và cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 16/9/2016, hiện tại 02 cháu N và cháu N1 đang sống chung với chị A; còn cháu M đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu M, chị A sẽ nuôi cháu N và cháu N1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 05/8/2022 bị đơn chị Nguyễn Thế A trình bày: Chị A đồng ý ly hôn với anh V, chị cũng thống nhất với nội dung đơn ly hôn của anh V. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007, cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 15/11/2014 và cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 16/9/2016, hiện tại 02 cháu N và cháu N1 đang sống chung với chị; còn cháu M đang sống chung với anh V. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi cháu M, chị sẽ nuôi cháu N và cháu N1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thế A; về con chung: anh Phạm Thanh V được trực tiếp nuôi cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 15/11/2014; chị A được trực tiếp nuôi cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007 và cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 16/9/2016, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do anh V, chị A không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Phạm Thanh V và bị đơn chị Nguyễn Thế A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị A là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thế A trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào năm 2007. Xét thấy, hôn nhân của anh V và chị A đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh V và chị A có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc anh V xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V và chị A đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau để mỗi người có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: anh V và chị A là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, sống ly thân đã 05 năm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh V và chị A là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, anh V và chị A có 03 con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007, cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 15/11/2014 và cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 16/9/2016, hiện tại 02 cháu N và cháu N1 đang sống chung với chị A; còn cháu M đang sống chung với anh V. Sau khi ly hôn, anh V và chị A thống nhất: anh V sẽ nuôi cháu M, chị A sẽ nuôi cháu N và cháu N1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: sự thỏa thuận của anh V và chị A về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu M tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên và đơn bày tỏ nguyện vọng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và đảm bảo việc học hành cho cháu N, cháu M và cháu N1 nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho anh V được trực tiếp nuôi, giao cháu N và cháu N1 cho chị A được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc anh V, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh, chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh V và chị A đều thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh V phải chịu do anh V yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thế A.

Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Phạm Thanh V được trực tiếp nuôi cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 15/11/2014; chị Nguyễn Thế A được trực tiếp nuôi cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007 và cháu Phạm Khánh N1, sinh ngày 16/9/2016, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do anh V, chị A không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh V và chị A đều trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Phạm Thanh V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007665 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên anh không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Đạt**